| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 154/2023/HC-PT
Ngày 10/3/2023
*V/v: "Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Đình Lực;

*Các Thẩm phán*: Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 510/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HCST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1660/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B (Có mặt).

* *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B và Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh B.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đặng Đình M– chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Bá T– chức vụ: Phó Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- UBND xã Đ, huyện G, tỉnh B;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn Q - chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn D- chức vụ: Phó Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Bá K sinh năm 1957 (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1951 (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Bá D1sinh năm 1982 (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T1sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện Bà Nguyễn Thị V trình bày như sau:* Theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, năm 1960 gia đình bà và 90 hộ dân khác ở Xóm S, thôn Đ được Nhà nước giao đất nông nghiệp 5% tại khu đất Đồng Trai để sử dụng lâu dài. Tuy nhiên, năm 2021 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện G thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đã thu hồi đất của gia đình bà và người dân Xóm S được giao sử dụng lâu dài nêu trên. Tại dự án này, gia đình bà bị UBND huyện G thu hồi 250m$^2$ đất nông nghiệp. Gia đình bà không đồng ý với chủ trương thu hồi đất của UBND huyện G. Bà không đồng ý với các quyết định của UBND huyện G về thu hồi đất này, gia đình bà muốn giữ lại đất để trồng lúa tiếp, nên không đồng ý với phương án bồi thường hỗ trợ và chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện G. Quá trình thực hiện dự án, UBND xã Đ phá mương máng không cho gia đình cấy lúa từ khi có quyết định thu hồi đất đến nay. Bà yêu cầu UBND xã Đ phải bồi thường số tiền 1.800.000 đồng do không cấy lúa được từ khi có quyết định thu hồi đất. Yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G đối với đơn khiếu nại của Bà Nguyễn Thị V là trái pháp luật; Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình Bà Nguyễn Thị V; Hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình Bà Nguyễn Thị V; Yêu cầu UBND huyện G phải trả lại nguyên hiện trạng thửa đất nông nghiệp của gia đình Bà Nguyễn Thị V; Yêu cầu UBND xã Đ bồi thường cho gia đình Bà Nguyễn Thị V số tiền 1.800.000 đồng.

*2. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:* Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013. Do vậy, giá bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất trong trường hợp này được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020. Về trình tự thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ được đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực, chính xác đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 30/9/2021, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G. Ngày 30/9/2021, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 919/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G. Theo Quyết định số 918 và Quyết định số 919, đối với gia đình Bà Nguyễn Thị V diện tích thu hồi để thực hiện dự án là 250m$^2$; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước (LUC); hình thức sử dụng đất giao ổn định lâu dài; tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 109.750.000 đồng. Đến nay gia đình Bà V chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Người bị kiện khẳng định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất cũng như việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Chủ tịch UBND huyện G cũng không nhận được đơn khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị V.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Đại diện UBND xã Đ có quan điểm: Đồng ý quan điểm của UBND huyện G. Về việc các hộ cho rằng xã cấm không cho các hộ canh tác là không đúng. Khu vực này hiện nay chưa bồi thường xong cho các hộ có đất thu hồi do còn một số hộ chưa nhận tiền bồi thường, đến nay UBND xã chưa san lấp mặt bằng thi công nên ruộng vẫn còn nguyên vẹn. Do vậy việc các hộ yêu cầu UBND xã bồi thường thiệt hại do không cấy được là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.2. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các thành viên gia đình Bà V đều thống nhất với ý kiến của Bà V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, đã quyết định: Căn cứ Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị V gồm: Bác yêu cầu khởi kiện về việc hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G đối với đơn khiếu nại của Bà Nguyễn Thị V; Bác yêu cầu khởi kiện về việc Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình Bà Nguyễn Thị V; Bác yêu cầu khởi kiện về việc Hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình Bà Nguyễn Thị V; Bác yêu cầu khởi kiện về việc Yêu cầu UBND huyện G phải trả lại nguyên hiện trạng thửa đất nông nghiệp của gia đình Bà Nguyễn Thị V; Bác yêu cầu khởi kiện về việc Yêu cầu UBND xã Đ bồi thường cho gia đình Bà Nguyễn Thị V số tiền 1.800.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện Bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của Bà Nguyễn Thị V và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

*[1]. Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính.

*[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện:* Ngày 21/01/2022, Bà Nguyễn Thị V khởi kiện Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G; đồng thời khởi kiện hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G. Đây là quyết định, hành vi hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh B căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

*[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện:* Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013. UBND huyện G đã lập hồ sơ thu hồi đất, hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 30/9/2021, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G và Quyết định số 919/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G được ban hành theo quy định đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

*[4]. Về căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:* Theo Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND, gia đình Bà Nguyễn Thị V bị thu hồi tổng diện tích 250m$^2$ đất nông nghiệp giao lâu dài; tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là: 109.750.000 đồng. Gia đình bà không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ và đề nghị không thu hồi diện tích đất nông nghiệp để gia đình giữ lại đất canh tác. Xét thấy: Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đã được Hội đồng nhân dân tỉnh B phê duyệt theo Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 11/12/2020, về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa, 20ha đất rừng; dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 nên giá bồi thường,

hỗ trợ được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh B. Theo các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì mức bồi thường tiền đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B được xác định như sau: Đối với đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài: bồi thường về đất 70.000đ/$m^2$; bồi thường hoa màu 9.000đ/$m^2$; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất 10.000đ/$m^2$; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 350.000đ/$m^2$. Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ là 439.000đ/$m^2$. Như vậy, đối chiếu với các Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 919 thì mức bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình Bà V là đúng quy định của pháp luật. Việc gia đình Bà V không đồng ý thu hồi đất để thực hiện dự án và đề nghị giữ lại đất để sản xuất nông nghiệp là không có cơ sở, vì: Hiến pháp 2013 và Luật Đất đai 2013 quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, Nhà nước là đại diện chủ sở hữu nên có quyền thu hồi đất theo quy định. Mặt khác, việc thu hồi đất là để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; trình tự thủ tục thu hồi đất đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G được ban hành có căn cứ, đúng pháp luật.

*[5]. Đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi không giải quyết khiếu nại:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía người khởi kiện cung cấp tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, đối với Quyết định số 918 và Quyết định số 919 đến Chủ tịch UBND huyện G, nhưng cho rằng đơn khiếu nại là đơn viết tay không còn giữ lại; việc gửi đơn khiếu nại theo hình thức qua bưu điện có dán tem, nên không còn lưu giữ lại. Mặt khác, hiện nay Bà V cũng đã khởi kiện Quyết định số 918 và Quyết định số 919 ra Tòa án để giải quyết và lựa chọn Tòa án là cơ quan giải quyết yêu cầu. Phía người bị kiện xác định, không nhận được đơn khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G. Do đó yêu cầu khởi kiện này của Bà V là không có cơ sở.

*[6]. Về yêu cầu UBND xã Đ bồi thường số tiền do không cấy lúa được từ khi có quyết định thu hồi đất:* Diện tích đất nông nghiệp của gia đình Bà V, được UBND huyện G thu hồi theo Quyết định số 918, được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 919. Phương án bồi thường, hỗ trợ cũng đã bao gồm cả bồi thường hoa màu 9.000đ/$m^2$; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất 10.000đ/$m^2$; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 350.000đ/$m^2$. Đồng thời, đại diện UBND xã Đ cũng xác định không hề có việc ngăn cản các hộ dân canh tác. Khu vực này hiện nay chưa bồi thường xong cho các hộ có đất thu hồi, đến nay UBND xã chưa san lấp mặt bằng thi công nên ruộng vẫn còn nguyên vẹn. Do đó, yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

*[7]. Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị V:* Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình, thống nhất với nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị V. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Do vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

*[8]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

*[9]. Về án phí:* Bà Nguyễn Thị V có đơn xin miễn án phí, xét Bà V là người cao tuổi nên có căn cứ miễn án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Bà Nguyễn Thị V.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THA dân sự tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Đình Lực**

| CÁC THẨM PHÁN | | THẨM PHÁN<br>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Mai Anh Tài** | **Nguyễn Xuân Hùng** | **Đặng Đình Lực** |